

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1344/QĐ-ĐHKTQD ngày 26 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

1. THÔNG TIN CHUNG

CHƯƠNG TRÌNH/PROGRAMME:	CỬ NHÂN HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ (BACHELOR OF MANAGEMENT INFORMATION SYSTEMS)
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO/LEVEL OF EDUCATION:	ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE
NGÀNH ĐÀO TẠO/MAJOR:	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ (MANAGEMENT INFORMATION SYSTEMS)
MÃ NGÀNH/CODE:	7340405
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO/TYPE OF EDUCATION:	CHÍNH QUY/FULL - TIME
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO/LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO/DURATION TIME	4 NĂM/ 4 YEARS

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ ĐỊNH HƯỚNG NƠI LÀM VIỆC SAU TỐT NGHIỆP

2.1. Mục tiêu đào tạo

Mã hóa (Code)	Mục tiêu (Objectives)	Mô tả (Description)
PG1	Về kiến thức: Có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức về phân tích, dự báo, đánh giá, lập kế hoạch và thực thi các công việc thuộc chức năng Hệ thống thông tin quản lý (HTTTQL).	CTĐT trình độ đại học ngành Hệ thống thông tin quản lý hướng tới mục tiêu đào tạo cử nhân Hệ thống thông tin quản lý có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có kiến thức chuyên sâu về các hệ thống thông tin ứng dụng trong các tổ chức, doanh nghiệp; các công nghệ ứng dụng trong hệ thống thông tin và các dịch vụ công nghệ liên quan. Nắm vững quy trình phân tích, thiết kế, phát triển, vận hành và quản trị các hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động tác nghiệp, quản lý và điều hành trong các tổ chức, doanh nghiệp; quy trình quản trị các nguồn lực thông tin và tri thức; quy trình chuyển đổi số trong các tổ chức, doanh nghiệp.

Mã hóa (Code)	Mục tiêu (Objectives)	Mô tả (Description)
		<p>Có kiến thức về phân tích, thiết kế hệ thống, lập trình các ứng dụng nhằm phát triển các hệ thống thông tin quản lý hỗ trợ quá trình hoạt động cũng như mang lại lợi thế cạnh tranh cho các tổ chức, doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hóa và CMCN4.0.</p> <p>Có kiến thức cập nhật về các công nghệ: phần cứng, phần mềm, quản trị dữ liệu, mạng và truyền thông, bảo mật và an toàn dữ liệu ứng dụng trong hệ thống thông tin.</p>
PG2	<p>Về kỹ năng: Có kỹ năng về phát triển, vận hành và quản trị các hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý và điều hành trong các tổ chức. Có kỹ năng vận dụng công nghệ thông tin để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn. Có khả năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh. Có kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm.</p>	<p>Có kỹ năng vận dụng các công nghệ, kỹ thuật; kỹ năng quản trị để phát triển, vận hành và quản trị các hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý và điều hành trong các tổ chức.</p> <p>Có kỹ năng khai thác các phần mềm chuyên dụng để phân tích thông tin và hỗ trợ ra quyết định.</p> <p>Có kỹ năng xử lý các vấn đề liên quan đến hạ tầng công nghệ sử dụng trong hệ thống thông tin quản lý.</p> <p>Có kỹ năng xử lý các tình huống, các vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển, vận hành và quản trị các hệ thống thông tin quản lý.</p> <p>Có kỹ năng tư duy hệ thống và mô hình hóa.</p> <p>Có khả năng làm việc độc lập dưới áp lực công việc.</p> <p>Có khả năng phối hợp và làm việc nhóm với nhiều đối tượng khác nhau trong quá trình phát triển hệ thống thông tin quản lý (khách hàng, cán bộ nghiệp vụ và đồng nghiệp).</p> <p>Có khả năng tiếp cận và giải quyết các vấn đề một cách có hệ thống.</p> <p>Có khả năng thuyết trình các chủ đề về kinh tế xã hội, đặc biệt là các chủ đề về hệ thống thông tin quản lý.</p> <p>Có khả năng đọc hiểu các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh.</p>
PG3	<p>Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: Có đủ năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm với các công việc mình đảm trách trong khuôn khổ tuân thủ các quy định, quy tắc và định</p>	<p>Có chính kiến và nhận thức chính trị vững vàng.</p> <p>Tuân thủ quy tắc, quy định của cơ quan, tổ chức, địa phương và các quy định của luật pháp.</p> <p>Có sức khỏe và có đủ năng lực tự học tập, nghiên cứu bồi dưỡng để nâng cao trình độ và có khả năng trở thành công dân toàn cầu.</p> <p>Có tinh thần và nhận thức đúng đắn về trách nhiệm trong thực thi công việc, có đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực HTTTQL.</p>

Mã hóa (Code)	Mục tiêu (Objectives)	Mô tả (Description)
	hướng chung.	Có ý thức thực thi đầy đủ trách nhiệm công dân và trách nhiệm được giao phó trong mỗi nhiệm vụ được giao.

2.2. Về nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành HTTTQL có thể làm việc tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội từ trung ương đến địa phương, các tổ chức doanh nghiệp với vị trí công việc liên quan đến hệ thống thông tin; có thể đảm đương tốt các vị trí như chuyên gia tư vấn về chuyển đổi số, cán bộ phát triển, khai thác, vận hành và bảo trì hệ thống thông tin. Ngoài ra, cử nhân ngành HTTTQL còn có thể làm việc tại các công ty CNTT, công ty cung cấp dịch vụ thông tin; giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng hoặc nghiên cứu tại các viện, trung tâm nghiên cứu.

3. CHUẨN ĐẦU RA

PLO	Mã	Mô tả
PLO 1- Kiến thức	PLO1.1	Có kiến thức đại cương về chính trị, xã hội để hiểu, giải thích và áp dụng được chủ nghĩa Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh, vận dụng tốt tri thức của nhân loại vào đời sống thực tiễn.
	PLO 1.1.1	Hiểu được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và ứng dụng trong học tập, nghiên cứu và học tập các học phần khác và các tri thức của nhân loại vào đời sống thực tiễn trong bối cảnh hiện nay.
	PLO 1.1.2	Có nhận thức, hiểu biết về Chủ nghĩa xã hội khoa học, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về tư tưởng Hồ Chí Minh và có khả năng lãnh hội, tuân thủ tư tưởng đó trong thực thi các nhiệm vụ được giao.
	PLO1.2	Có kiến thức chung của lĩnh vực kinh tế và pháp luật để giải thích và áp dụng các lý thuyết nền tảng của khoa học kinh tế vào phân tích, đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, quản lý kinh tế vi mô; tuân thủ luật pháp trong cuộc sống và trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.
	PLO1.2.1	Vận dụng được các lý thuyết nền tảng về khoa học kinh tế vào đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô và quản lý kinh tế vi mô.

PLO	Mã	Mô tả
	PLO1.2.2	Có hiểu biết về chính trị, xã hội và luật pháp để vận dụng và thực hành trong lĩnh vực kinh tế và QTKD.
	PLO1.3	Có đủ kiến thức chung của nhóm ngành, hiểu rõ nguyên lý hoạt động, quản lý của tổ chức, doanh nghiệp; hiểu và ứng dụng được các kỹ thuật phân tích và xử lý dữ liệu thống kê; hiểu rõ vai trò quan trọng của CNTT, các hệ thống thông tin quản lý trong việc hỗ trợ quá trình hoạt động, sản xuất, kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp.
	PLO1.3.1	Hiểu rõ các nguyên lý hoạt động, quản lý của tổ chức, doanh nghiệp; hiểu và ứng dụng được các phương pháp điều tra khảo sát, kỹ thuật phân tích và xử lý dữ liệu thống kê trong kinh tế và kinh doanh.
	PLO1.3.2	Hiểu rõ vai trò quan trọng của CNTT, các hệ thống thông tin quản lý trong việc hỗ trợ quá trình hoạt động, sản xuất, kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp.
	PLO1.4	Hiểu và giải thích được các kiến thức nền tảng ngành hệ thống thông tin quản lý; áp dụng được các kiến thức căn bản về lập trình, cơ sở dữ liệu, quy trình phát triển phần mềm; hiểu và áp dụng được quy trình phân tích, thiết kế, phát triển, vận hành và quản trị các hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động tác nghiệp, quản lý và điều hành trong các tổ chức, doanh nghiệp; làm chủ quy trình quản trị dự án hệ thống thông tin.
	PLO1.4.1	Hiểu và giải thích được các kiến thức nền tảng ngành hệ thống thông tin quản lý.
	PLO1.4.2	Hiểu và áp dụng được các kiến thức căn bản về lập trình, cơ sở dữ liệu, phân tích dữ liệu; hiểu và vận dụng được những nguyên tắc cơ bản của quy trình phát triển phần mềm.
	PLO1.4.3	Hiểu và áp dụng được quy trình phân tích, thiết kế, phát triển, vận hành và quản trị các hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động tác nghiệp, quản lý và điều hành trong các tổ chức, doanh nghiệp; làm chủ được quy trình quản trị dự án hệ thống thông tin.
	PLO1.5	Hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên sâu theo một trong hai định hướng sau: (1) Phát triển, vận hành và bảo trì các

PLO	Mã	Mô tả
		hệ thống thông tin quản lý ứng dụng cho các lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; (2) Triển khai các dự án về chuyển đổi số, tái cấu trúc doanh nghiệp; triển khai các hệ thống quản trị điều hành thông minh.
	PLO1.5A	Phát triển, vận hành và bảo trì các hệ thống thông tin quản lý ứng dụng cho các lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh.
	PLO1.5B	Triển khai các dự án về chuyển đổi số, tái cấu trúc doanh nghiệp; triển khai các hệ thống quản trị điều hành thông minh.
PLO 2- Kỹ năng	PLO2.1	Thực hành tốt các kỹ năng chung: Giao tiếp, viết báo cáo và thuyết trình chuyên môn; quản lý thời gian, thích ứng với sự thay đổi; kỹ năng giao tiếp trên môi trường mạng.
	PLO2.1.1	Giao tiếp hiệu quả với đối tác, đồng nghiệp, cấp trên, cấp dưới; quản lý tốt thời gian và nguồn lực; nhạy bén và thích ứng tốt với sự thay đổi.
	PLO2.1.2	Có kỹ năng giao tiếp bằng văn bản; viết báo cáo và thuyết trình chuyên môn liên quan tới kế hoạch, chiến lược và thực thi các hoạt động được giao; có kỹ năng giao tiếp trên môi trường mạng.
	PLO2.2	Thực hành tốt các kỹ năng nghề nghiệp: Phát triển, vận hành và bảo trì các HTTTQL; tư vấn, hỗ trợ quá trình chuyển đổi số, tái cấu trúc của doanh nghiệp, triển khai các hệ thống quản trị điều hành thông minh; kỹ năng tư duy hệ thống và mô hình hóa; kỹ năng tự tìm hiểu, đọc tài liệu, cập nhật kiến thức chuyên môn.
	PLO2.2.1	Có khả năng lập trình, xây dựng cơ sở dữ liệu và vận dụng được những nguyên tắc cơ bản của quy trình phát triển phần mềm; có khả năng làm chủ các công nghệ, kỹ thuật để phát triển, vận hành và quản trị các hệ thống thông tin phục vụ các hoạt động tác nghiệp, quản lý và điều hành trong các tổ chức, doanh nghiệp; có khả năng khai thác các phần mềm chuyên dụng để phân tích dữ liệu, tổng hợp thông tin hỗ trợ quá trình ra quyết định; có khả năng quản trị các dự án về hệ thống thông tin.
	PLO2.2.2	Có kỹ năng tư duy hệ thống và mô hình hóa; có kỹ năng tự tìm

PLO	Mã	Mô tả
		hiểu, đọc tài liệu, cập nhật kiến thức chuyên môn; có khả năng làm việc độc lập dưới áp lực công việc.
	PLO2.2.3A	Có khả năng áp dụng các kiến thức chuyên sâu về phát triển, vận hành và bảo trì các HTTTQL ứng dụng cho các lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có khả năng xử lý các tình huống, các vấn đề phát sinh trong quá trình quản trị các hệ thống thông tin quản lý.
	PLO2.2.3B	Có kỹ năng phân tích, lập kế hoạch, tư vấn và hỗ trợ quá trình triển khai chuyển đổi số, tái cấu trúc của doanh nghiệp; có khả năng triển khai các hệ thống quản trị điều hành thông minh.
	PLO2.3	Sử dụng được tiếng Anh để giao tiếp cơ bản; đọc, hiểu, thuyết trình, viết báo cáo trong lĩnh vực HTTTQL.
	PLO2.3.1	Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 và tương đương) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
	PLO2.3.2	Sử dụng được tiếng Anh để đọc, hiểu, thuyết trình, viết báo cáo trong lĩnh vực HTTTQL.
PLO 3- Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	PLO3.1	Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm.
	PLO3.1.1	Có thể làm việc độc lập hoặc tham gia chủ động, tích cực, hiệu quả vào các hoạt động của nhóm.
	PLO3.1.2	Có năng lực tổ chức hoạt động nhóm; điều hành, đánh giá chất lượng công việc của từng thành viên trong nhóm.
	PLO3.2	Tuân thủ luật pháp và quy định của tổ chức, có trách nhiệm giữ gìn quốc phòng an ninh; có sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ được giao; có trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp.
	PLO3.2.1	Tuân thủ luật pháp và quy định của tổ chức; có trách nhiệm giữ gìn quốc phòng an ninh.
	PLO3.2.2	Có sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ được giao.
	PLO3.2.3	Có trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực HTTTQL.

4. TIÊU CHÍ TUYỂN SINH

Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân bậc đại học hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Kế hoạch đào tạo chuẩn là 04 năm, sinh viên có thể tốt nghiệp sớm hoặc muộn theo quy định.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp và cấp bằng (theo Thông tư 08/2021)

i. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;

d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;

e) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

ii. Sinh viên có quyết định công nhận tốt nghiệp và được cấp bằng trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ học phí, lệ phí theo quy định.

6. CẤU TRÚC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc cơ bản

Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	44	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần chung của lĩnh vực
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	84	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	15	5 HP chung của nhóm ngành
2.2. Kiến thức ngành	41	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	26	

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
2.3. Kiến thức chuyên sâu	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
2.4. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	128	Không kể GDQP & AN và GDTC

6.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi học kỳ 12-18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Hệ thống thông tin quản lý)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	Tổng số tín chỉ			128		
	1. Kiến thức giáo dục đại cương			44		
	1.1. Các học phần chung			20		
1	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	II	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	III	
6	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	7	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	4		
	8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8- 11		
	1.2. Các học phần của Trường			12		
7	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Hệ thống thông tin quản lý)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
9	3	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
10	4	Tin học đại cương Basic Informatics	TIKT1109	3	I	
	1.3. Các học phần của ngành			12		
11	1	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics in economics and bussiness	TKKD1129	3	II	
12	2	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	II	
13	3	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT1101	3	IV	
14	4	Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	TIHT1102	3	III	
	2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			84		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành			15		
15	1	Kinh tế nguồn nhân lực Human resource economics	NLKT1117	3	V	
16	2	Kinh tế đầu tư Investment Economics	DTKT1154	3	IV	
17	3	Quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường Economic Management and Market Economy	QLKT1112	3	V	QLKT1101
18	4	Quản trị các nguồn lực thông tin Information Resources Managements	TIKT1137	3	IV	
19	5	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Data Structures and Algorithms	TIHT1101	3	III	CNTT1128
	2.2. Kiến thức ngành			41		
	2.2.1 Các học phần bắt buộc			26		
20	1	Cơ sở lập trình Basic Programming	CNTT1128	3	II	
21	2	Cơ sở dữ liệu Databases	TIKT1130	3	III	
22	3	Phát triển các hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems Development	TIKT1113	3	IV	TIHT1102
23	4	Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định Decision Support Systems	TIHT1110	3	V	TIHT1102 TIKT1125
24	5	Quản trị dự án hệ thống thông tin Information Systems Project Management	TIKT1136	3	VI	TIHT1102

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Hệ thống thông tin quản lý)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
25	6	Ứng dụng cơ sở dữ liệu Application of Databases	TIKT1124	3	IV	TIKT1125
26	7	Kỹ nghệ phần mềm Software Engineering	TIHT1104	3	V	
27	8	Tiếng Anh ngành Hệ thống thông tin quản lý English for Management Information Systems	TIHT1106	3	IV	
28	9	Đề án ngành Hệ thống thông tin quản lý Term Project on Management Information Systems	TIHT1118	2	VII	
2.2.2 Các học phần tự chọn <i>(SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)</i>				15		
29 - 33	1	Kế toán máy Computer-Based Accounting	TIHT1119	3	IV	KTKE1101
	2	Hệ thống thương mại điện tử Electronic Commerce Systems	TIKT1129	3	VI	TIHT1102 TIKT1106
	3	Phát triển các ứng dụng Web Web Applications Development	TIKT1134	3	VI	CNTT1128 TIKT1106
	4	Hệ thống thông tin quản lý trong Logistics Logistics Management Information Systems	TIHT1117	3	V	
	5	Hệ điều hành Operating System	CNTT1107	3	IV	
	6	Mạng và truyền thông Networks and Data Communication	TIKT1106	3	V	CNTT1142
	7	Lập trình phân tích dữ liệu Data Analysis Programming	CNTT1203	3	V	TIKT1125 CNTT1116
	8	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý Application of Artificial Intelligence in Business and Management	TIHT1123	3	V	
	9	Đầu thầu Procurement	DTKT1133	3	V	
	10	Quản trị tri thức Knowledge Management	TIHT1122	3	V	
2.3. Kiến thức chuyên sâu <i>(SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp)</i>				18	VI-VII	
34- 39	1	Phát triển các ứng dụng trong quản lý Application Development for Management	TIHT1113	3		TIHT1102 TIKT1124
	2	Lập trình nâng cao Advanced Programming	TIHT1105	3		CNTT1128
	3	Tin học kế toán Accounting Informatics	TIKT1117	3		TIHT1102 KTKE1101

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Hệ thống thông tin quản lý)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	4	Tri thức kinh doanh Business Intelligence	TIKT1122	3		TIHT1102
	5	Phát triển phần mềm mã nguồn mở và ứng dụng Development of Open Source Software and Applications	TIKT1135	3		CNTT1128
	6	Ngôn ngữ mô hình hóa thống nhất Unified Modeling Language	TIKT1133	3		TIHT1102
	7	Marketing trực tuyến Marketing Online	TIKT1132	3		TIKT1106
	8	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp Enterprise Resource Planning (ERP)	TIKT1138	3		
	9	Kiến trúc doanh nghiệp Enterprise Architecture	TIHT1121	3		
	10	Trực quan hóa dữ liệu trong kinh doanh Data Visualization in Business	TIKT1139	3		
40	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>		TIHT1124	10	VIII	
Tổng số tín chỉ				128		

7. Mô tả các học phần

TT	Học phần	Mô tả học phần
1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	Học phần trang bị những nội dung cơ bản của thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin trong việc nghiên cứu và học tập các môn học khác trong chương trình đào tạo cũng như các tri thức khác của nhân loại; cho việc vận dụng các tri thức của sinh viên vào đời sống thực tiễn; làm tiền đề trực tiếp để nghiên cứu các bộ phận cấu thành khác của chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp cận môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, định hướng tư tưởng - chính trị trong chuyên ngành được đào tạo.
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp và giảm tải, lược bớt những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với các trường Cao đẳng, Đại học không chuyên lý luận. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân

TT	Học phần	Mô tả học phần
		<p>tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và thực tiễn cuộc sống của sinh viên sau này. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với sinh viên.</p> <p>Học phần gồm 6 chương: Trong đó Chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin. Chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc trong nền kinh tế thị trường.; Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế; Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p>
3	<p>Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism</p>	<p>Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học như; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội, nghiên cứu vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; những vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p>
4	<p>Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History</p>	<p>Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam là 1 trong 5 học phần thuộc khoa học Mác-Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh được giảng dạy trong hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam. Đây là học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy kiến thức. Đây là môn học quan trọng của khoa học lịch sử. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là cả một pho lịch sử bằng vàng”. Đó chính là tính khoa học, cách mạng, giá trị thực tiễn sâu sắc trong Cương lĩnh, đường lối của Đảng; là sự lãnh đạo đúng đắn, đáp ứng kịp thời những yêu cầu, nhiệm vụ do lịch sử đặt ra; những kinh nghiệm, bài học có tính quy luật, lý luận của cách mạng Việt Nam và những truyền thống vẻ vang của Đảng.</p> <p>Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng không chỉ nắm vững những sự kiện, cột mốc lịch sử mà cần thấu hiểu những vấn đề phong phú</p>

TT	Học phần	Mô tả học phần
		đó trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ đó vận dụng, phát triển trong thời kỳ đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay.
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng. Học phần được kết cấu với 6 chương. Chương 1: Làm rõ khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chương 2: Trình bày cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ Chương 3 đến chương 6: Trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.
6	Ngoại ngữ Foreign Language	Môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh) được thiết kế với 3 học phần. Học phần Tiếng Anh 1 nhằm mục đích trang bị các kỹ năng thực hành ngôn ngữ một cách hiệu quả trong các tình huống trong lĩnh vực kinh doanh, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp nơi công sở và trong sinh hoạt hàng ngày. Đồng thời cũng chú trọng vào việc luyện phát âm tiếng Anh, và khả năng sử dụng bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết theo trình độ tương ứng. Học phần cũng cung cấp cho người học những kiến thức, kinh nghiệm thực tế thông qua các tình huống kinh doanh có thực và thông tin hữu ích từ nhiều nguồn tài liệu đáng tin cậy. Song song với việc học trên lớp sinh viên bắt buộc phải đăng ký học thêm online với thời lượng là 26 giờ. Mỗi sinh viên có một tài khoản online được tạo vào đầu khóa học. Tương ứng với các kỹ năng và nội dung bài giảng trên lớp, sinh viên phải hoàn thành cũng bao gồm đầy đủ các phần như: Nghe, Nói, Đọc, Viết, Ngữ Pháp, Từ vựng. Mỗi kỹ năng sẽ có từ 2-3 bài tập nhỏ. Học phần Tiếng Anh 2 dành cho các sinh viên đã hoàn thành học phần Tiếng Anh giao tiếp kinh doanh 1. Khóa học nhằm mục đích trang bị các kỹ năng thực hành Tiếng Anh thông thường (General English) và Tiếng Anh học thuật (Academic English), giúp sinh viên tự tin khẳng định khả năng sử dụng Tiếng Anh trong các kỳ thi năng lực ngôn ngữ quốc tế và trong công việc, cải thiện mặt bằng trình độ tiếng Anh của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Học phần Tiếng Anh 3 tập trung vào việc cung cấp cho sinh viên với những kiến thức về lý thuyết, thuật ngữ và nguyên lý kinh tế cơ bản tạo nền tảng vững chắc cho sinh viên học sâu hơn về kinh tế trong những giai đoạn tiếp theo tại đại học Kinh Tế Quốc Dân.

TT	Học phần	Mô tả học phần
		<p>Ngoài ra trong học phần này sinh viên được cung cấp từ vựng về các chủ đề đa dạng và ngữ pháp để có thể chuẩn bị tốt cho bài thi theo định hướng IELTS và các bài thi có chứng chỉ quốc tế tương đương.</p>
7	<p>Giáo dục thể chất Physical Education</p>	<p>Giáo dục thể chất là học phần hướng tới mục tiêu rèn luyện thể chất cho sinh viên, với một hệ thống các bài tập đa dạng được chọn lọc và thực hiện với những phương pháp khoa học nhằm phát triển cơ thể một cách toàn diện, hoàn thiện khả năng vận động, củng cố và nâng cao thể chất cho người tập.</p> <p>Được thiết kế với nhiều nội dung, trong đó, thể dục tự do là một trong những nội dung thi đấu của môn thể dục dụng cụ, là môn thể thao được tổ chức thi đấu trong các kỳ đại hội TDTT và Olympic. Là môn học vừa mang tính kế thừa vừa mang tính nghệ thuật cao được nhiều người ưa thích.</p> <p>Bên cạnh đó là các môn thể thao tự chọn là một trong các nội dung của môn học Giáo dục Thể chất, là một hệ thống các môn học với các bài tập đa dạng được chọn lọc và thể hiện với những phương pháp khoa học nhằm phát triển cơ thể một cách toàn diện, hoàn thiện khả năng vận động, củng cố và nâng cao thể chất cho người tập</p> <p>Các môn thể thao tự chọn gồm 10 môn: Bóng bàn, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Bơi lội, Karatedo, Teakwondo và Tennis. Mỗi môn học gồm 2 tín chỉ, sinh viên chọn và hoàn thành 3 trong số 10 môn thể thao tự chọn</p>
8	<p>Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education</p>	<p>Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh được thiết kế theo yêu cầu đào tạo của Bộ Giáo dục và đào tạo với 4 học phần, thời lượng 11 tín chỉ: Học phần 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ); Học phần 2: Công tác quốc phòng, an ninh (2 tín chỉ); Học phần 3: Quân sự chung (2 tín chỉ); Học phần 4: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và chiến thuật (4 tín chỉ).</p> <p>Mục tiêu của chương trình đối với sinh viên sau khi học xong chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh là có hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng.</p>
9	<p>Kinh tế Vi mô 1 Microeconomics</p>	<p>Học phần Kinh tế học Vi mô 1 được thiết kế với mục tiêu giúp người học nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong</p>

TT	Học phần	Mô tả học phần
	1	Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Kết cấu các bài giảng được trình bày đơn giản, hiện đại. Nội dung môn học được xây dựng phù hợp với kiến thức của giai đoạn 1, đi sâu vào những khái niệm về thị trường, cung- cầu, cơ giãn của cầu và cung, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận), cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền, cung - cầu lao động, thất bại thị trường...
10	Kinh tế Vi mô 1 Macroeconomics 1	Học phần Kinh tế học vĩ mô giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô để giúp sinh viên hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên sẽ được giới thiệu các khái niệm cũng như nguyên lý hạch toán cơ bản về thu nhập quốc dân, chỉ số giá tiêu dùng và lạm phát, thất nghiệp, tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán. Ngoài ra, sinh viên cũng được tiếp cận với những mô hình đơn giản nhất giải thích sự biến động và vai trò của các chính sách kinh tế vĩ mô trong việc ổn định nền kinh tế
11	Pháp luật Đại cương Fundamentals of Laws	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật: (1) Nguồn gốc, bản chất của nhà nước, kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử, nhà nước công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chức năng của nhà nước Việt Nam, hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2) Nguồn gốc của pháp luật, bản chất của pháp luật, cơ chế điều chỉnh của pháp luật đối với các quan hệ xã hội: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; (3) Khái niệm về hình thức pháp luật, các hình thức pháp luật trên thế giới và ở Việt Nam. (4) Giới thiệu cho người học về các lĩnh vực pháp luật của Việt Nam: pháp luật hành chính và tổ tụng hành chính, pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự; pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự.
12	Tin học đại cương Basic Informatics	Học phần Tin học đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của tin học, rèn luyện phương pháp tư duy logic, trang bị cho sinh viên năng lực và công cụ tin học nhằm phục vụ tốt hơn cho việc học tập, nghiên cứu các môn học khác. Nội dung chính của học phần: Phần 1: (1) Các khái niệm cơ bản của tin học; (2) Tổng quan về Công nghệ thông tin; (3) Hệ điều hành máy tính điện tử; (4) Cơ bản về cơ sở dữ liệu; (5) Mạng máy tính và Internet; (6) An toàn thông tin và bảo trì máy tính. Phần 2: Sử dụng cơ bản bộ phần mềm văn phòng Microsoft Office: (1) Phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word; (2) Phần mềm bảng tính điện tử Microsoft Excel; (3) Phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint.
13	Thống kê trong	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh là môn học có nhiệm vụ

TT	Học phần	Mô tả học phần
	kinh tế và kinh doanh Statistics in economics and bussiness	nghiên cứu những vấn đề lý luận và phương pháp luận của thống kê học; cung cấp một cách có hệ thống: các khái niệm cơ bản trong thống kê; các phương pháp điều tra thống kê nhằm thu thập thông tin ban đầu về hiện tượng nghiên cứu; các phương pháp xử lý, tổng hợp và trình bày các thông tin đã thu thập. Tiếp đó môn học cung cấp hệ thống các phương pháp phân tích làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho việc ra quyết định ở tầm vi mô và vĩ mô. Hệ thống các phương pháp đó bao gồm: phương pháp mô tả và phân tích các đặc điểm của hiện tượng; các phương pháp thống kê suy luận (như ước lượng, phân tích các mối liên hệ, phân tích biến động, và dự đoán thống kê...).
14	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	Nguyên lý kế toán là học phần được đào tạo ở nhiều cấp độ và chương trình đào tạo trong khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh ở các trường đại học không chỉ ở Việt Nam và các nước khác trên thế giới. Học phần này giới thiệu các nội dung cơ bản về kế toán cho các đối tượng chưa được đào tạo kế toán. Với kiến thức nền tảng ở môn học này người học mới có thể tiếp tục học hiệu quả các môn học kế toán, kinh tế và quản trị kinh doanh khác. Học phần nguyên lý kế toán này nhằm trang bị những kiến thức kế toán nền tảng giúp người học hiểu được những vấn đề căn bản của kế toán bao gồm khái niệm, bản chất, vai trò của kế toán, người sử dụng thông tin kế toán, các nguyên tắc kế toán làm nền tảng cho thực hành kế toán, các phương pháp và trình tự kế toán cho từng đối tượng,... Các nội dung này được nhóm gộp theo các phân hệ kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán thuế, phân tích báo cáo tài chính, và hệ thống thông tin kế toán.
15	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	Học phần “Quản lý học” là học phần bắt buộc đối với tất cả các chuyên ngành trong chương trình đào tạo đại học của trường Đại học Kinh tế Quốc dân, được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cốt yếu nhất mà một nhà quản lý, dù trên cương vị nào, trong bất cứ tổ chức nào cũng phải có được. Học phần “Quản lý học” gồm những nội dung cơ bản sau: - Tổng quan về quản lý: trong đó giới thiệu về hệ thống xã hội, tổ chức và quản lý hệ thống xã hội; quá trình quản lý và nhà quản lý; sự phát triển các tư tưởng quản lý. - Phân tích môi trường quản lý; đạo đức và trách nhiệm xã hội của quản lý; quản lý trong môi trường toàn cầu hóa. - Quá trình ra quyết định và đảm bảo thông tin cho quyết định quản lý. - Nội dung cơ bản của quá trình quản lý bao gồm: lập kế hoạch,

TT	Học phần	Mô tả học phần
		tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát.
16	Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	<p>Học phần Hệ thống thông tin quản lý thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của ngành Hệ thống thông tin quản lý. Đây cũng là học phần tiên quyết của nhiều học phần chuyên ngành như <i>Phát triển hệ thống thông tin quản lý, Các hệ thống thương mại điện tử, Hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp, Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định, Quản trị các nguồn lực thông tin ...</i> Đây cũng là một học phần hữu ích và cần thiết cho khối kiến thức cơ sở ngành của các ngành kinh tế và quản trị kinh doanh. Học phần <i>Hệ thống thông tin quản lý</i> cung cấp các kiến thức cơ bản và toàn diện về các hệ thống thông tin quản lý dựa trên công nghệ thông tin trong các tổ chức kinh tế và xã hội với sáu phần nội dung chính: (1) các khái niệm cơ sở về hệ thống thông tin quản lý, (2) các thành phần công nghệ của hệ thống thông tin, (3) các hệ thống thông tin dưới góc độ quản lý và ra quyết định, (4) các hệ thống thông tin ứng dụng trong kinh doanh, (5) phát triển các hệ thống thông tin trong tổ chức, (6) quản trị các nguồn lực hệ thống thông tin trong tổ chức. Tiếp cận ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại dưới góc độ quản lý, học phần <i>Hệ thống thông tin quản lý</i> sẽ trang bị những kiến thức thực sự cần thiết và hữu ích cho các nhà quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh tương lai.</p>
17	Kinh tế nguồn nhân lực Human resource economics	<p>Môn học đề cập đến những kiến thức cơ bản của Kinh tế Nguồn nhân lực. Nội dung tập trung không chỉ bao gồm những lý thuyết cơ sở về nguồn nhân lực xã hội mà còn đề cập về các nhân tố ảnh hưởng và hiệu quả kinh tế của việc sử dụng nguồn nhân lực xã hội. Ngoài ra, một số các vấn đề xã hội cơ bản như: An sinh xã hội - Bảo hiểm xã hội - Tạo việc làm cho người lao động & Thất nghiệp cũng là nội dung không thể thiếu khi khai thác về Kinh tế Nguồn nhân lực.</p> <p>Học phần này sẽ gồm có 7 chương: Chương 1 – Tổng quan môn học Kinh tế nguồn nhân lực; Chương 2 - Nguồn nhân lực và phân bố nguồn nhân lực; Chương 3 - Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; Chương 4 - Thị trường lao động; Chương 5 - Năng suất lao động; Chương 6 - Tiền lương; Chương 7 - Một số vấn đề xã hội</p>
18	Kinh tế đầu tư Investment Economics	<p>Môn học Kinh tế đầu tư trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản, chuyên ngành về kinh tế và quản lý nhà nước hoạt động đầu tư và quản lý đầu tư ở tầm vi mô. Môn học nghiên cứu những vấn đề về bản chất, vai trò của đầu tư phát triển; Nội dung của hoạt động đầu tư phát triển; Nguồn vốn đầu tư và giải pháp huy động vốn cho đầu tư phát triển; Công tác tổ chức, quản lý và kế</p>

TT	Học phần	Mô tả học phần
		hoạch hoá đầu tư và quản lý đầu tư. Cơ cấu đầu tư; Mối quan hệ giữa đầu tư, tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; Môi trường đầu tư, Quan hệ quốc tế trong đầu tư. Môn học cũng trang bị cho sinh viên kiến thức tổng hợp về quan hệ quốc tế trong đầu tư. Những kiến thức do học phần kinh tế đầu tư 1 trang bị sẽ là nền tảng để tiếp thu kiến thức tại các học phần thuộc các ngành Kinh tế, Quản lý và Quản trị kinh doanh...
19	Quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường Economic Management and Market Economy	Học phần “ <i>Quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường</i> ” là bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Khoa học quản lý và là một lựa chọn tốt cho sinh viên khối ngành khác. Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức có hệ thống về vai trò quản lý của nhà nước đối với nền kinh tế, cụ thể là: (1) Tổng quan về quản lý nhà nước về kinh tế; (2) Quy luật và nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế; (3) Các công cụ và phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế; (4) Mục tiêu và chức năng quản lý nhà nước về kinh tế; (5) Thông tin và quyết định quản lý nhà nước về kinh tế; (6) Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế; (7) Cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế. Quá trình nghiên cứu quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường sẽ được liên hệ với các tình huống quản lý cụ thể để làm sáng tỏ lý thuyết.
20	Quản trị các nguồn lực thông tin Information Resources Managements	Học phần Quản trị các nguồn lực thông tin cung cấp cho sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ sở của quản trị nguồn lực thông tin; tầm quan trọng chiến lược; những chức năng quản trị chính đối với nguồn lực thông tin trên toàn doanh nghiệp. Giúp học viên biết cách tổ chức và triển khai bộ phận quản trị nguồn lực thông tin; cách thức lập kế hoạch nguồn lực thông tin, cách thức tích hợp hệ thống thông tin (HTTT) vào quy trình của tổ chức để nâng cao hiệu quả khai thác nguồn lực thông tin và tạo ra sức mạnh cạnh tranh cho doanh nghiệp. Nội dung học phần cụ thể như sau: (1) Tầm quan trọng và nội dung cơ bản của quản trị nguồn lực thông tin; (2) Trở thành nhà quản lý có năng lực về công nghệ thông tin; (3) Quản trị thông tin trên toàn doanh nghiệp; (4) Triển khai tổ chức cho bộ phận chức năng quản trị nguồn lực thông tin; (5) Phát triển nguồn nhân lực thông tin cho toàn tổ chức; (6) Đầu tư và lập kế hoạch cho hệ thống thông tin; (7) Mua sắm và quản trị các nguồn lực thông tin; (8) Tái thiết quy trình kinh doanh trên cơ sở ứng dụng hệ thống thông tin; và (9) Ứng dụng hệ thống thông tin để gia tăng giá trị.
21	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Data Structures	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật là một học phần cơ sở trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Hệ thống thông tin quản lý, Công nghệ thông tin và Khoa học máy tính. Học phần hướng

TT	Học phần	Mô tả học phần
	and Algorithms	trọng tâm đến lĩnh vực ứng dụng và nâng cao kỹ năng giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về giải thuật và các tổ chức dữ liệu là hai thành tố quan trọng nhất của một chương trình máy tính. Học phần trình bày những kiến thức cơ bản về các kiểu cấu trúc dữ liệu thông dụng và các giải thuật xử lý các dữ liệu ấy. Đó là mảng (Array), ngăn xếp và hàng đợi (Stack and Queue), danh sách (List), danh sách liên kết (Linket List), cây (Tree), đồ thị (Graph). Học phần cũng trình bày những vấn đề cơ bản liên quan đến sắp xếp và tìm kiếm dữ liệu
22	Cơ sở lập trình Basic Programming	Cơ sở lập trình là học phần cung cấp kiến thức bắt buộc của ngành Khoa học máy tính và Hệ thống thông tin quản lý, là điều kiện học trước của học phần lập trình hướng đối tượng và lập trình nâng cao. Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản để sinh viên làm quen với các phương pháp lập trình và giải các bài toán trên máy tính. Học phần này lấy ngôn ngữ lập trình C/C++ để minh họa. Học phần này gồm các kiến thức về: <ul style="list-style-type: none"> - Các cấu trúc lập trình căn bản. - Kỹ thuật lập trình. - Một số giải thuật và phương pháp giải quyết bài toán trên máy tính. - Các cấu trúc dữ liệu căn bản. - Các ví dụ được minh họa bằng ngôn ngữ lập trình C/C++.
23	Cơ sở dữ liệu Databases	Học phần cơ sở dữ liệu cung cấp cho sinh viên ngành Khoa học máy tính, ngành Công nghệ thông tin, ngành Hệ thống thông tin quản lý, Thống kê kinh tế, Khoa học dữ liệu, Phân tích kinh doanh... kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu và các mô hình dữ liệu, về lý thuyết phân tích thiết kế cơ sở dữ liệu làm nền tảng cho các môn học chuyên sâu của ngành và chuyên ngành sau này. Định hướng sinh viên đến việc quản trị cơ sở dữ liệu và các kiến thức nhằm khai thác cơ sở dữ liệu với những công cụ khác nhau. Nội dung cụ thể của học phần bao gồm: (1) Các khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu, các mô hình dữ liệu; (2) Mô hình dữ liệu quan hệ; (3) Ràng buộc toàn vẹn trên mô hình dữ liệu quan hệ; (4) Một số ngôn ngữ khai thác cơ sở dữ liệu như: đại số quan hệ, SQL,...(5) Lý thuyết thiết kế CSDL quan hệ; (6) Vấn đề tối ưu hoá câu hỏi; và (7) An toàn và toàn vẹn dữ liệu.
24	Phát triển các hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	Học phần Phát triển các hệ thống thông tin quản lý cung cấp cho sinh viên các nội dung về nguyên nhân, phương pháp và quy trình phát triển một hệ thống thông tin quản lý cho một tổ chức kinh tế xã hội và những kiến thức và kỹ năng cho nghề nghiệp phân tích viên, thiết kế viên phát triển hệ thống thông tin quản lý. Học phần cũng cung cấp những kiến thức cần cho cho Giám đốc

TT	Học phần	Mô tả học phần
	Development	<p>công nghệ thông tin (CIO) cũng như Giám đốc điều hành (CEO) để chỉ đạo việc lập kế hoạch, theo dõi, giám sát và nghiệm thu các dự án phát triển hệ thống thông tin quản lý. Nội dung học phần gồm 9 chương cụ thể như sau: (1) Tổng quan về quy trình phát triển hệ thống thông tin quản lý; (2) Nghiên cứu sơ bộ; (3) Phân tích chi tiết; (4) Thiết kế logic hệ thống; (5) Xây dựng một số phương án của giải pháp; (6) Thiết kế vật lý ngoài cho hệ thống thông tin; (7) Thực hiện kỹ thuật; (8) Cài đặt hệ thống thông tin; và (9) Khai thác và bảo trì hệ thống thông tin.</p>
25	<p>Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định Decision Support Systems</p>	<p>Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành Hệ thống thông tin quản lý (thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý. Học phần bao gồm hai phần:</p> <p>(1) Phần lý thuyết cung cấp kiến thức về hoạt động ra quyết định và các hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định dựa trên máy tính. Phần này cũng đề cập đến các loại mô hình và vấn đề xây dựng mô hình cho các hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định;</p> <p>(2) Phần thực hành cung cấp các kỹ năng sử dụng công cụ phân tích và mô hình hóa dữ liệu hỗ trợ quá trình ra quyết định (phân tích độ nhạy, phân tích hồi quy, dự báo, tối ưu hóa, mô phỏng...).</p>
26	<p>Quản trị dự án hệ thống thông tin Information Systems Project Management</p>	<p>Học phần Quản trị dự án hệ thống thông tin cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ sở của quản trị dự án và đặc thù riêng của dự án hệ thống thông tin. Học phần này giúp sinh viên nắm bắt và làm chủ được một số kỹ năng cơ bản lập và quản trị dự án hệ thống thông tin, đồng thời sử dụng được một số công cụ lập và quản trị dự án ứng dụng trong các dự án Hệ thống thông tin. Nội dung học phần gồm 9 chương đi từ tổng quát đến chi tiết; từ bắt đầu dự án đến khi kết thúc dự án Hệ thống thông tin. Cụ thể: Chương 1: Tổng quan về dự án và quản trị dự án; Chương 2: Quản trị dự án hệ thống thông tin; Chương 3: Lập và bảo vệ dự án tiền khả thi; Chương 4: Thực hiện đấu thầu; Chương 5: Đấu thầu phần cứng; Chương 6: Đấu thầu phần mềm; Chương 7: Mua sắm dữ liệu; Chương 8: Tập huấn – Đào tạo; và Chương 9: Kết thúc dự án.</p>
27	<p>Ứng dụng cơ sở dữ liệu Application of Databases</p>	<p>Môn học này nhằm cung cấp cho người học bổ sung thêm các kiến thức nền tảng để ứng dụng vào việc phân tích thiết kế cơ sở dữ liệu. Gồm 12 chương trình tuần tự các kiến thức nối tiếp nhau tạo thành một quy trình tiếp cận đầy đủ với lý thuyết xen lẫn các ví dụ thực tế được minh họa trên các hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay, từ đó người học có thể làm chủ được lý thuyết và vận hành được các hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ dụng để sử</p>

TT	Học phần	Mô tả học phần
		<p>dụng trong thực tế. Cụ thể, phần đầu của học phần cung cấp khối kiến thức tổng quan về mô hình dữ liệu, các hệ quản trị cơ sở dữ liệu nói chung như MS SQL Server, MS Access, MySQL,... Phần sau hướng dẫn kỹ năng thực hành hệ quản trị CSDL cụ thể để tổ chức và khai thác dữ liệu trong tổ chức doanh nghiệp như: tạo CSDL, truy vấn dữ liệu, thiết lập khóa và ràng buộc, làm việc với chỉ mục (index), chỉ mục toàn văn (full-text index), khung nhìn (view), bẫy sự kiện (trigger), thủ tục (stored procedure), quản trị người dùng và bảo mật dữ liệu. Sau khi học xong học phần, người học có thể sử dụng hệ quản trị CSDL này hoặc vận dụng cho các hệ quản trị cơ sở dữ liệu khác để ứng dụng thực tế.</p>
28	Kỹ nghệ phần mềm Software Engineering	<p>Nghiên cứu và giảng dạy học phần kỹ nghệ phần mềm có vai trò rất quan trọng trong chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý, Công nghệ thông tin và Khoa học máy tính. Học phần Kỹ nghệ phần mềm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy trình thiết kế một phần mềm từ xác định yêu cầu đến phân tích, thiết kế, kiểm thử và bảo trì phần mềm. Học phần cũng trình bày các nội dung cơ bản về quản lý một dự án phần mềm và các quy trình sản xuất phần mềm ở qui mô công nghiệp. Nội dung học phần bao gồm 9 chương: chương 1 trình bày cơ bản khái niệm về Phần mềm và Kỹ nghệ phần mềm; chương 2 trình bày cách làm bản mẫu phần mềm; chương 3 mô tả nhiệm vụ Phân tích hệ thống phần mềm; chương 4 trình bày Nền tảng thiết kế phần mềm; chương 5 mô tả Quy trình thiết kế phần mềm; chương 6 mô tả các quy trình trong Kỹ nghệ phần mềm công nghiệp; chương 7 trình bày các phương pháp kiểm thử phần mềm; chương 8 trình bày các vấn đề bảo trì phần mềm; chương 9 trình bày về quản lý dự án phần mềm.</p>
29	Tiếng Anh ngành Hệ thống thông tin quản lý English for Management Information Systems	<p>Học phần Tiếng Anh ngành Hệ thống thông tin quản lý được thiết kế riêng cho sinh viên ngành <i>Hệ thống thông tin quản lý</i>. Đây là một học phần hữu ích và cần thiết. Với tiêu chí kế thừa các kiến thức tiếng Anh và các kỹ năng ngôn ngữ mà sinh viên đã tích lũy được trong các học phần <i>Tiếng Anh giao tiếp kinh doanh</i>, học phần Tiếng Anh ngành Hệ thống thông tin quản lý giúp sinh viên phát triển toàn diện bốn kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong môi trường chuyên môn liên quan đến hệ thống thông tin quản lý, đặc biệt là hai kỹ năng đọc và viết. Cụ thể, sinh viên sẽ được luyện các kỹ năng đọc để tìm đại ý (Skimming), đọc để tìm thông tin chi tiết (Scanning), đọc và suy luận (making inferences), đọc biểu đồ, kỹ năng thảo luận, kỹ năng viết câu và đoạn. Học phần này đặc biệt chú trọng đến việc phát triển cho sinh viên cả vốn từ vựng và các chức năng lời nói;</p>

TT	Học phần	Mô tả học phần
		<p>củng cố các kiến thức về ngữ pháp, cấu trúc tiếng Anh thường được sử dụng trong ngành <i>Hệ thống thông tin quản lý</i>. Ngữ liệu sử dụng đều được trích từ các tài liệu chuyên ngành <i>Hệ thống thông tin quản lý</i>. Các tài liệu này được sử dụng để thiết kế làm các bài đọc hiểu, nghe hiểu, hoặc các bài tập viết, dịch, câu hỏi thảo luận.</p>
30	<p>Đề án ngành Hệ thống thông tin quản lý Term Project on Management Information Systems</p>	<p>Đề án ngành HTTTQL là học phần tổng hợp, giúp sinh viên vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học trong các học phần trước để có thể phát hiện, xây dựng và giải quyết một vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực Hệ thống thông tin quản lý. Sinh viên sẽ lập một báo cáo để tổng hợp những nội dung đã nghiên cứu. Học phần cũng nhằm rèn luyện kỹ năng tư duy, khả năng tự tìm hiểu các kiến thức về Hệ thống thông tin quản lý. Sinh viên sẽ làm việc độc lập hoặc theo nhóm để tìm hiểu sâu các công nghệ, từ đó có thể trình bày, thuyết trình về một trong các giải pháp liên quan đến quy trình phân tích, thiết kế, phát triển, vận hành và quản trị các hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động tác nghiệp, quản lý và điều hành trong các tổ chức, doanh nghiệp.</p>
31	<p>Kế toán máy Computer-Based Accounting</p>	<p>Học phần Kế toán máy đề cập một cách tổng quan về toàn bộ các vấn đề liên quan đến tự động hoá công tác kế toán trên máy tính. Nội dung học phần gồm 6 chương: chương 1 giới thiệu những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin kế toán, các chu trình nghiệp vụ điển hình trong tổ chức doanh nghiệp, chương 2 giới thiệu những khái niệm cơ bản về các yếu tố cấu thành, các chức năng cơ bản của một hệ thống kế toán máy. Hai chương này được coi là cơ sở phương pháp luận của học phần. Chương 3 trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản phát triển nhanh một ứng dụng kế toán trên nền tảng công nghệ “1C.Doanh nghiệp 8”. Chương 4 giới thiệu nguyên tắc và kỹ năng cơ bản làm kế toán bằng phần mềm xử lý bảng tính MICROSOFT EXCEL. Chương 5 đề cập đến vấn đề sử dụng phần mềm kế toán chuyên biệt trong kế toán doanh nghiệp (minh họa bằng phần mềm kế toán Fast Accounting). Chương 6 giới thiệu sử dụng cơ bản phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp (minh họa bằng phần mềm kế toán MIMOSA.NET).</p>
32	<p>Hệ thống thương mại điện tử Electronic Commerce Systems</p>	<p>Học phần Hệ thống thương mại điện tử trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thương mại điện tử: lợi ích, nền tảng, các mô hình, các hình thức ứng dụng, cơ sở hạ tầng để phát triển thương mại điện tử, thanh toán điện tử, an toàn trong giao dịch thương mại điện tử, các văn bản pháp luật liên quan đến thương mại điện tử của Việt Nam, xây dựng giải pháp thương mại điện tử cho doanh nghiệp; đồng thời học phần cũng cung cấp cho người học</p>

TT	Học phần	Mô tả học phần
		kiến thức cơ bản về những công nghệ hỗ trợ cho các mô hình hoạt động thương mại điện tử. Học phần gồm những nội dung sau: (1) Tổng quan về thương mại điện tử; (2) Các loại hình thương mại điện tử; (3) Chuẩn kỹ thuật cho thương mại điện tử; (4) Các yêu cầu của một hệ thống thương mại điện tử; và (5) Xây dựng giải pháp cho hệ thống thương mại điện tử.
33	Phát triển các ứng dụng Web Web Applications Development	Học phần Phát triển các ứng dụng web nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về Internet và lập trình để xây dựng, phát triển các ứng dụng giao diện web, các công cụ sử dụng trong lập trình Web, các hệ quản trị cơ sở dữ liệu sử dụng trong lập trình Web, quy trình xây dựng và phát triển ứng dụng Web. Học xong học phần, sinh viên có thể áp dụng những kiến thức đã học được để xây dựng các website hoàn chỉnh, có thể ứng dụng được trong thực tiễn và lập trình bảo mật trong các ứng dụng web cho tổ chức doanh nghiệp. Nội dung học phần gồm: (1) Tổng quan về WebSite; (2) WebService và Ngôn ngữ lập trình web; (3) Xây dựng ứng dụng web.
34	Hệ thống thông tin quản lý trong Logistics Logistics Management Information Systems	<p>Học phần Hệ thống thông tin quản lý Logistics trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về logistics như: khái niệm, phân loại logistics, logistics ngược, các hoạt động của logistics, quản lý logistics, tổ chức và kiểm soát hoạt động logistisc... Phần trọng tâm của học phần là trang bị cho sinh viên kiến thức về hệ thống thông tin quản lý ứng dụng trong lĩnh vực logistics của doanh nghiệp. Từ ứng dụng công nghệ thông tin trong từng hoạt động logistics đơn lẻ như quản lý kho vận, quản lý chuỗi cung ứng, tối ưu hóa vận chuyển... cho đến hệ thống thông tin quản lý tổng thể hoạt động logistisc và logistics kinh doanh. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu cho sinh viên những phần mềm chuyên dụng trong lĩnh vực logistisc như: phần mềm quản lý ứng dụng trong giao nhận hàng hóa; phần mềm quản lý ứng dụng trong dịch vụ vận tải; phần mềm quản lý kho bãi, phần mềm quản lý hàng tồn kho, phần mềm quản lý đơn hàng; phần mềm quản lý dịch vụ booking dịch vụ vận tải tàu biển, đường bộ, phần mềm hải quan điện tử....</p> <p>Ngoài ra, học phần sẽ góp phần hình thành và phát triển tư duy logic cho sinh viên, giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp như kỹ năng thu thập xử lý số liệu thống kê, kỹ năng quan sát, đặc biệt là kỹ năng phân tích và ra quyết định.</p>
35	Hệ điều hành Operating System	Học phần Hệ điều hành nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về: (1) Tổ chức và chức năng của hệ điều hành trong hệ thống tính toán; (2) Nguyên lý hoạt động và chức năng của các thành phần căn bản của hệ điều hành như quản lý tiến trình, quản

TT	Học phần	Mô tả học phần
		lý bộ nhớ, quản lý đĩa, quản lý tập tin, quản lý nhập/xuất; (3) Tổ chức bảo vệ hệ thống và an toàn thông tin; (4) Các vấn đề của hệ điều hành phân tán và hệ điều hành mạng như tổ chức tập tin phân tán, các phương pháp phối hợp phân tán; (5) Nghiên cứu cụ thể một số hệ điều hành Windows, UNIX.
36	Mạng và truyền thông Networks and Data Communication	Học phần Mạng và Truyền thông cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau đây: (1) Tổng quan truyền thông dữ liệu và máy tính; (2) Giao thức và kiến trúc; (3) Giao diện truyền thông dữ liệu; (4) Điều khiển liên kết dữ liệu; (5) Công nghệ mạng LAN; (6) Chuyển mạch kênh; (7) Chuyển mạch gói; (8) Liên mạng; (9) Giao thức giao vận; (10) Các ứng dụng phân tán; (11) Hệ điều hành Windows SERVER, lý thuyết và thực hành; (12) Thiết bị phần cứng mạng; (13) Thiết kế mạng.
37	Lập trình phân tích dữ liệu Data Analysis Programming	Học phần cung cấp các kiến thức về: Dữ liệu và các đặc trưng cơ bản của dữ liệu. Phân tích bản chất dữ liệu, phân loại dữ liệu, đưa ra phương pháp phân tích dữ liệu phù hợp. Sử dụng phần mềm phân tích dữ liệu R. Thực hiện, lập trình để thực hiện phân tích dữ liệu với những bài toán phân tích dữ liệu thông dụng, các bài toán phân tích dữ liệu nâng cao với các gói phần mềm tích hợp và kết nối dữ liệu từ các hệ quản trị cơ sở dữ liệu.
38	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý Application of AI in Business and Management	Học phần Ứng dụng AI trong kinh doanh và quản lý thuộc khối kiến thức ngành của các ngành thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, kinh tế, kinh doanh và quản lý. Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về trí tuệ nhân tạo, các ứng dụng nổi bật của AI trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh. Học phần gồm bốn chương với các nội dung chính sau: (1) Tổng quan về trí tuệ nhân tạo; (2) Vai trò của AI trong chuyển đổi số; (3) Các công cụ ứng dụng trong học máy; (4) Ứng dụng AI để giải quyết các vấn đề trong kinh tế, kinh doanh và quản lý.
39	Đấu thầu Procurement	Đấu thầu là cách thức mà người mua áp dụng để lựa chọn người bán nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đặc biệt với các khoản mua sắm sử dụng nguồn vốn của nhà nước hoặc do nhà nước quản lý. Học phần Đấu thầu cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động đấu thầu nói chung và đấu thầu trong các dự án đầu tư nói riêng. Những nội dung này bao gồm: nguyên tắc thực hiện đấu thầu, lập kế hoạch đấu thầu cho dự án đầu tư, phương thức tổ chức đấu thầu và hình thức lựa chọn nhà thầu, quy trình thực hiện đấu thầu đối với một gói thầu, soạn thảo hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu ở Việt

TT	Học phần	Mô tả học phần
		Nam.
40	Quản trị tri thức Knowledge Management	Học phần Quản trị tri thức thuộc khối kiến thức ngành của các ngành thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý. Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản và toàn diện về quản trị tri thức trong tổ chức, doanh nghiệp. Học phần gồm bốn chương với các nội dung chính như sau: (1) Tổng quan về quản trị tri thức; (2) Quá trình quản trị tri thức trong tổ chức, doanh nghiệp; (3) Vai trò của quản trị tri thức đối với hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp; (4) Phát triển hệ thống quản trị tri thức trong tổ chức, doanh nghiệp.
41	Phát triển các ứng dụng trong quản lý Application Development for Management	Học phần Phát triển các ứng dụng trong quản lý được thiết kế dành riêng cho sinh viên ngành Hệ thống thông tin quản lý. Học phần gồm có 8 chương: chương 1 trình bày các vấn đề lý thuyết liên quan đến xây dựng hệ thống thông tin ứng dụng trong quản lý tại các tổ chức, doanh nghiệp; chương 2 đến chương 8 trình bày các nội dung liên quan đến lý thuyết và kỹ năng xây dựng một phần mềm thương mại ứng dụng trong quản lý.
42	Lập trình nâng cao Advanced Programming	<p>Học phần Lập trình nâng cao là môn học dành cho sinh viên ngành CNTT quản lý và công nghệ thông tin. Học phần giúp sinh viên tiếp cận, làm quen với kỹ thuật lập trình hiện đại là kỹ thuật “Lập trình hướng đối tượng”. Nội dung học phần bao gồm: Phương pháp và cách thức xây dựng lớp và các thành phần của lớp; Tính thừa kế và tính đa bội trong kỹ thuật lập trình hướng đối tượng,</p> <p>Sinh viên phải nắm được các kiến thức, kỹ năng cơ bản trong lập trình hướng đối tượng, nhờ đó sinh viên tiếp cận các ngôn ngữ lập trình mới như VISUAL BASIC, JAVA...và xây dựng các sản phẩm phần mềm dựa trên kỹ thuật lập trình này.</p>
43	Tin học kế toán Accounting Informatics	<p>Học phần Tin học Kế toán có mục đích trang bị những kiến thức thực sự cần thiết và hữu ích, toàn diện và chuyên nghiệp cho các nhà phân tích, thiết kế, xây dựng phần mềm kế toán trong tương lai. Đồng thời, học phần cũng trang bị kiến thức cần thiết về hệ thống thông tin kế toán, nguyên tắc thực hiện kế toán máy cho những người làm công tác kế toán trong các tổ chức doanh nghiệp. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và toàn diện về hệ thống thông tin kế toán và việc tin học hóa công tác kế toán trong các tổ chức doanh nghiệp. Học phần là sự kết hợp giữa các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở như Nguyên lý Kế toán và các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành như Hệ thống Thông tin Quản lý, Cơ sở dữ liệu, Lập trình quản lý... Học phần được xây dựng theo phương pháp đi từ tổng quan đến cụ thể, với sáu nội dung chính: (1) tổng quan về tình hình ứng dụng tin học trong lĩnh vực kế toán, (2) hệ thống thông tin kế toán, (3) phần</p>

TT	Học phần	Mô tả học phần
		mềm kế toán, (4) phân tích phần mềm kế toán, (5) thiết kế phần mềm kế toán và (6) triển khai phần mềm kế toán trong các tổ chức doanh nghiệp.
44	Tri thức kinh doanh Business Intelligence	Học phần Tri thức kinh doanh là một học phần của ngành hệ thống thông tin quản lý. Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản và toàn diện về các nội dung: thành phần kiến trúc cơ bản của các môi trường kinh doanh thông minh khác nhau, từ các chủ đề truyền thống như mô hình quá trình kinh doanh, mô hình hóa dữ liệu tới các chủ đề hiện đại như hệ thống quy tắc kinh doanh, hồ sơ dữ liệu, chất lượng dữ liệu, lưu trữ dữ liệu. Học phần Tri thức kinh doanh cung cấp các phương pháp, quy trình, kiến trúc, và công nghệ khai thác dữ liệu thành các thông tin có ý nghĩa và hữu ích được sử dụng cho quá trình ra quyết định của nhà quản lý. Nội dung học phần gồm: (1) tổng quan về tri thức kinh doanh, (2) công nghệ tri thức kinh doanh, (3) quản lý và tương lai tri thức kinh doanh. Với cách tiếp cận các phương pháp công nghệ hiện đại, học phần Tri thức kinh doanh sẽ trang bị kiến thức thực sự cần thiết và hữu ích cho các nhà quản lý tương lai.
45	Phát triển phần mềm mã nguồn mở và ứng dụng/Development of Open Source Software and Applications	Học phần Phát triển phần mềm mã nguồn mở và các ứng dụng nhằm giúp cho sinh viên hiểu được: (1) các khái niệm liên quan đến phần mềm mã nguồn mở; (2) giấy phép trong mã nguồn mở; (3) những lợi ích của việc sử dụng phần mềm mã nguồn mở trong việc phát triển các ứng dụng. Sinh viên sẽ được giới thiệu một số phần mềm mã nguồn mở thường được dùng trong việc phát triển các ứng dụng như các DBMS, Web Server,... Một số môi trường phát triển ứng dụng mã nguồn mở như Eclipse, Netbean cũng được giới thiệu trong môn học.
46	Ngôn ngữ mô hình hóa thống nhất Unified Modeling Language	Học phần Ngôn ngữ mô hình hóa thống nhất được xây dựng nhằm trang bị cho người học những kiến thức từ cơ bản đến nâng cao về ngôn ngữ mô hình hóa thống nhất để có khả năng ứng dụng ngôn ngữ mô hình hóa thống nhất vào phân tích thiết kế hệ thống và giải quyết các vấn đề liên quan trong thực tế. Cụ thể, học phần giúp cho sinh viên: (1) nắm bắt được kỹ năng phân tích và thiết kế hệ thống hướng đối tượng sử dụng mô hình UML; (2) hiểu được qui trình phân tích, thiết kế theo phương pháp UML; (3) sử dụng được một số công cụ thiết kế mô hình UML: Rational Software Architecture, Power Designer,...
47	Marketing trực tuyến Marketing Online	Với sự phát triển như vũ bão của thời đại công nghệ, con người dễ dàng có thể kết nối trao đổi thông tin, mua bán hàng hóa hay sử dụng dịch vụ một cách dễ dàng với nhau cho dù ở bất kỳ nơi nào, vì thế sức mạnh của Marketing trực tuyến ảnh hưởng rất lớn tới doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp. Học phần

TT	Học phần	Mô tả học phần
		Marketing trực tuyến nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức từ cơ sở đến chuyên sâu về lĩnh vực marketing trực tuyến, giúp sinh viên hiểu được bản chất, tư tưởng và những triết lý cơ bản của marketing cũng như những vấn đề cần phân tích để đưa ra quyết định marketing hiệu quả. Nội dung học phần gồm 5 phần sau: (1) Tổng quan Marketing trực tuyến, lợi thế và tầm quan trọng của kinh doanh với Marketing trực tuyến; (2) Các nguồn lực của Marketing trực tuyến. (3) Các hình thức của Marketing trực tuyến; (4) Các công cụ sử dụng trong Marketing trực tuyến; (5) Ứng dụng Marketing trực tuyến trong doanh nghiệp.
48	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp Enterprise Resource Planning (ERP)	Học phần giới thiệu cho học viên về các hệ thống lập kế hoạch cho doanh nghiệp và chỉ ra cách các tổ chức sử dụng hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) để điều hành hoạt động doanh nghiệp một cách hiệu quả hơn. Học phần này giúp người học tìm hiểu về các yếu tố thành công quan trọng và các chiến lược thực hiện dẫn đến thành công của hệ thống doanh nghiệp cũng như về thông tin, tri thức và cơ hội ra quyết định mà hệ thống doanh nghiệp mang lại. Nội dung của học phần cũng dành một thời lượng nhất để giới thiệu và hướng dẫn người học tìm hiểu và thực hành các phân hệ của hệ thống ERP trong doanh nghiệp điển hình như: phân hệ quản lý nguyên vật liệu (MM), phân hệ quản lý chuỗi cung ứng (SCM), quản lý quan hệ khách hàng (CRM), quản lý tài chính, dự án và quản lý nguồn nhân lực (HRM). Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp sử dụng một cơ sở dữ liệu duy nhất để tích hợp các giao dịch kinh doanh dọc theo và giữa các quy trình, dẫn đến các lợi ích như quy trình làm việc hiệu quả và không có lỗi cộng với kế toán, báo cáo quản lý và cải thiện việc ra quyết định. Học phần sử dụng phần mềm ERP của các doanh nghiệp FAST, MISA, BRAVO để thực hành.
49	Kiến trúc doanh nghiệp Enterprise Architecture	Học phần Kiến trúc doanh nghiệp thuộc khối kiến thức ngành của các ngành thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý. Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản và toàn diện về kiến trúc doanh nghiệp. Học phần gồm năm chương với các nội dung chính như sau: (1) Tổng quan về kiến trúc doanh nghiệp; (2) Các chuẩn kiến trúc doanh nghiệp; (3) Quy trình phát triển kiến trúc doanh nghiệp; (4) Công cụ mô hình hóa kiến trúc doanh nghiệp; (5) Một số ví dụ về phát triển kiến trúc doanh nghiệp.
50	Trực quan hóa dữ liệu trong kinh doanh Data	Học phần Trực quan hóa dữ liệu trong kinh doanh cung cấp các kiến thức và kỹ năng tư duy phân tích và suy luận logic trong việc giải quyết các vấn đề, các bài toán của doanh nghiệp bằng dữ liệu trực quan. Dữ liệu trực quan là dữ liệu được tổ chức, sắp

TT	Học phần	Mô tả học phần
	Visualization in Business	<p>xếp và được truyền vào đó tiếng nói, màu sắc dưới các dạng dashboard giúp các nhà quản lý dễ dàng có cái nhìn từ toàn cảnh đến chi tiết về vấn đề cần giải quyết để đưa ra quyết định nhanh chóng và chính xác. Học phần gồm hai nội dung chính: (1) các kiến thức nền tảng về tư duy phân tích, ra quyết định định hướng dữ liệu và nguyên tắc kể chuyện bằng dữ liệu; (2) các ứng dụng trong trực quan hóa dữ liệu. Nội dung thứ hai tập trung hướng dẫn sử dụng hai phần mềm Power BI và Tableau (kết hợp với ngôn ngữ lập trình Python (hoặc R) để khai phá sâu dữ liệu lớn). Học phần được giảng dạy theo định hướng ứng dụng nên trong toàn bộ chương trình đều được minh họa bằng các bài tập tình huống thực tế trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, kinh doanh, ngân hàng, tài chính, kế toán, bảo hiểm, thống kê, du lịch ...</p> <p>Các nội dung chính của học phần:</p> <p>Tư duy phân tích và suy luận logic trong việc giải quyết các vấn đề, các bài toán của doanh nghiệp bằng dữ liệu.</p> <p>Tự động hóa quy trình trích xuất dữ liệu từ nhiều nền tảng và ghép tất cả các phần lại với nhau để phân tích sâu hơn, cung cấp các chỉ số tài chính kinh doanh toàn diện trong thời gian thực và rút ngắn thời gian xử lý (sử dụng Power Query). Kết nối dữ liệu và xây dựng mô hình dữ liệu (sử dụng Power Query). Tư duy thiết kế dashboard chuyên nghiệp, lựa chọn biểu đồ, màu sắc và bố cục phù hợp với mục tiêu (sử dụng phần mềm Power BI và Tableau). Kể chuyện bằng dữ liệu phục vụ việc phân tích, khám phá dữ liệu để bước vào "Thế giới dữ liệu". Phân tích dữ liệu đa chiều (sử dụng phần mềm Power BI, Tableau và ngôn ngữ lập trình R, Python). Xuất bản báo cáo đa chiều lên môi trường mạng để sử dụng trên các thiết bị di động (sử dụng Power BI Service - dịch vụ điện toán đám mây).</p>
51	Khóa luận tốt nghiệp Graduation Thesis	<p>Khóa luận tốt nghiệp là công trình nghiên cứu độc lập của sinh viên, giúp đánh giá kiến thức, năng lực của sinh viên đã tích lũy trong suốt thời gian học tập và khả năng ứng dụng vào thực tế. Học phần “Khóa luận tốt nghiệp” yêu cầu sinh viên đến thực tập tại một doanh nghiệp/tổ chức cụ thể trong thời gian ít nhất 12 tuần.</p>

8. Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra (PLOs)

Bảng 3. Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra (PLOs)

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	PLO 1 - Kiến thức										PLO 2 - Kỹ năng						PLO 3 - Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm							
				1.1		1.2		1.3		1.4			1.5		2.1		2.2				2.3		3.1		3.2		
				1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	1.3.1	1.3.2	1.4.1	1.4.2	1.4.3	1.5A	1.5B	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.2.2	2.2.3A	2.2.3B	2.3.1	2.3.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	3.2.3
1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	2																							
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	2																							
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2		2																						
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2		2																						
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2		2																						
6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9																3T								
7	Giáo dục thể chất Physical Education	GDTC	4																						2		
8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8-11																						2		
9	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3			2																	2				
10	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3			2																	2				
11	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3				2																			2	
12	Tin học đại cương Basic Informatics	TIKT1109	3					2																			

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	PLO 1 - Kiến thức										PLO 2 - Kỹ năng						PLO 3 - Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm									
				1.1		1.2		1.3		1.4			1.5		2.1		2.2			2.3		3.1		3.2					
				1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	1.3.1	1.3.2	1.4.1	1.4.2	1.4.3	1.5A	1.5B	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.2.2	2.2.3A	2.2.3B	2.3.1	2.3.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	3.2.3		
13	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics in economics and bussiness	TKKD1129	3					2																	2				
14	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3					2																		2			
15	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT1101	3					2																		2			
16	Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	TIHT1102	3						2																	2			3
17	Kinh tế nguồn nhân lực Human resource economics	NLKT1117	3							3																3			
18	Kinh tế đầu tư Investment Economics	DTKT1154	3							3																3			
19	Quản lý nhà nước trong nền KTTT Economic Management and Market Economy	QLKT1112	3							3																3			
20	Quản trị các nguồn lực thông tin Information Resources Managements	TIKT1137	3							3																3			3
21	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Data Structures and Algorithms	TIHT1101	3							3																3			3
22	Cơ sở lập trình Basic Programming	CNTT1128	3								4															4			3
23	Cơ sở dữ liệu Databases	TIKT1130	3								4															4			3
24	Phát triển các hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems Development	TIKT1113	3									4														4			3
25	Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định Decision Support Systems	TIHT1110	3																							4			3
26	Quản trị dự án hệ thống thông tin Information Systems Project	TIKT1136	3																							4			3

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	PLO 1 - Kiến thức										PLO 2 - Kỹ năng						PLO 3 - Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm																
				1.1		1.2		1.3		1.4			1.5		2.1		2.2				2.3		3.1		3.2											
				1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	1.3.1	1.3.2	1.4.1	1.4.2	1.4.3	1.5A	1.5B	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.2.2	2.2.3A	2.2.3B	2.3.1	2.3.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	3.2.3									
	Management																																			
27	Ứng dụng cơ sở dữ liệu Application of Databases	TIKT1124	3							4															4									3		
28	Kỹ nghệ phần mềm Software Engineering	TIHT1104	3							4																								3		
29	Tiếng Anh ngành HTTTQL English for Management Information Systems	TIHT1106	3													4U											4T								4	
30	Đề án Hệ thống thông tin quản lý Term Project on Management Information Systems	TIHT1118	2																														4			4
31	Kế toán máy Computer-Based Accounting	TIHT1119	3																																4	
32	Hệ thống thương mại điện tử Electronic Commerce Systems	TIKT1129	3																																4	
33	Phát triển các ứng dụng Web Web Applications Development	TIKT1134	3																																4	
34	Hệ thống thông tin quản lý trong Logistics Logistics management information systems	TIHT1117	3																																4	
35	Hệ điều hành Operating System	CNTT1107	3																																4	
36	Mạng và truyền thông Networks and Data Communication	TIKT1106	3																																4	
37	Lập trình phân tích dữ liệu Data Analysis Programming	CNTT1203	3																																4	
38	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý	TIHT1123	3																																	4

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	PLO 1 - Kiến thức										PLO 2 - Kỹ năng						PLO 3 - Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm											
				1.1		1.2		1.3		1.4			1.5		2.1		2.2				2.3		3.1		3.2						
				1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	1.3.1	1.3.2	1.4.1	1.4.2	1.4.3	1.5A	1.5B	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.2.2	2.2.3A	2.2.3B	2.3.1	2.3.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	3.2.3				
	Application of AI in Business and Management																														
39	Đầu thầu Procurement	DTKT1133	3								3															4					
40	Quản trị tri thức Knowledge Management	TIHT1122	3								4																4				4
41	Phát triển các ứng dụng trong quản lý Application Development for Management	TIHT1113	3										4						4T							4	4			4	
42	Lập trình nâng cao Advanced Programming	TIHT1105	3										4	4					4T	4T						4				4	
43	Tin học kế toán Accounting Informatics	TIKT1117	3										4						4U							4				4	
44	Tri thức kinh doanh Business Intelligence	TIKT1122	3											4					4U							4				4	
45	Phát triển phần mềm mã nguồn mở và ứng dụng/Development of Open Source Software and Applications	TIKT1135	3										4						4U							4					
46	Ngôn ngữ mô hình hóa thống nhất Unified Modeling Language	TIKT1133	3										4						4U							4					
47	Marketing trực tuyến Marketing Online	TIKT1132	3											4					4U							4				4	
48	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp Enterprise Resource Planning (ERP)	TIKT1138	3										4	4					4U	4U						4				4	
49	Kiến trúc doanh nghiệp Enterprise Architecture	TIHT1121												4					4U	4U						4	4			4	
50	Trực quan hóa dữ liệu trong kinh doanh Data Visualization in Business	TIKT1139	3											4						4T						4	4			4	

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	PLO 1 - Kiến thức										PLO 2 - Kỹ năng						PLO 3 - Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm						
				1.1		1.2		1.3		1.4			1.5		2.1		2.2			2.3		3.1		3.2		
				1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	1.3.1	1.3.2	1.4.1	1.4.2	1.4.3	1.5A	1.5B	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.2.2	2.2.3A	2.2.3B	2.3.1	2.3.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2
51	Khóa luận tốt nghiệp Graduation Thesis	TIHT1124	10									5	5	5U	5U		5U	5U	5U			4	4	4		4

9. Thời điểm điều chỉnh Chương trình đào tạo: tháng năm 2021

VIỆN TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

TS Nguyễn Trung Tuấn

PGS.TS Phạm Hồng Chương